

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

**DANH SÁCH CA THI TAY NGHỀ NGÀNH NGƯ NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH EPS NĂM 2026**

(Kèm theo Công văn số 539/TTLĐNN-TCLĐ của Trung tâm Lao động ngoài nước ngày 09/06/2026)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
1	50304111	NGUYEN THE VI	29.06.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B378	Ngư nghiệp	An Giang
2	50304112	DINH PHU TRONG	21.09.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B379	Ngư nghiệp	An Giang
3	50304115	NGUYEN THANH LONG	18.06.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B380	Ngư nghiệp	An Giang
4	50304118	PHAM VAN SANG	24.04.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B381	Ngư nghiệp	An Giang
5	50304119	TRAN THUONG THANH	25.12.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B382	Ngư nghiệp	An Giang
6	50500711	NGUYEN GIANG SON	24.06.1989	Nam	18.06.2026	Ca 1	17	A339	Dịch vụ	An Giang
7	50500712	VO THI THANH LAM	30.07.2007	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A340	Dịch vụ	An Giang
8	50500713	HUYNH QUOC TU	20.09.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	17	A341	Dịch vụ	An Giang
9	50600002	NGUYEN VIET HA	30.11.1987	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A345	Lâm nghiệp	Bắc Ninh
10	50600003	PHUNG HUY DUONG	17.05.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A346	Lâm nghiệp	Bắc Ninh
11	50600004	NGUYEN THANH CONG	20.10.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A347	Lâm nghiệp	Bắc Ninh
12	50600005	TRINH VAN CHIEN	27.05.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A348	Lâm nghiệp	Bắc Ninh
13	50304161	NGUYEN TINH THIEN	09.08.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B383	Ngư nghiệp	Cà Mau
14	50304171	VO VAN CHUYEN	23.04.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B384	Ngư nghiệp	Cà Mau
15	50304172	TRUONG CHI QUAN	29.09.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B385	Ngư nghiệp	Cà Mau
16	50304173	TRAN QUOC VUONG	10.10.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B386	Ngư nghiệp	Cà Mau
17	50304174	LAI VAN NGOC	28.04.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B387	Ngư nghiệp	Cà Mau
18	50500742	LY THI HUONG	28.11.2003	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A342	Dịch vụ	Đắk Lắk
19	50600301	GIANG A MUA	15.04.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A349	Lâm nghiệp	Điện Biên
20	50303964	TRAN THI KIM PHUONG	03.04.1993	Nữ	17.06.2026	Ca 2	19	B373	Ngư nghiệp	Gia Lai
21	50303965	HA THANH HIEP	10.11.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B374	Ngư nghiệp	Gia Lai
22	50303966	NGUYEN THI TRUC LINH	30.01.1989	Nữ	17.06.2026	Ca 2	19	B375	Ngư nghiệp	Gia Lai
23	50303967	NGUYEN TAN KIET	05.10.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B376	Ngư nghiệp	Gia Lai
24	50303968	HO THANH MINH	27.11.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B377	Ngư nghiệp	Gia Lai
25	50500672	BUI THI KIEU LINH	23.10.2007	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A338	Dịch vụ	Gia Lai
26	50602872	NGUYEN LUONG TUAN	27.04.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A405	Lâm nghiệp	Gia Lai
27	50301976	TRAN NGOC HAI	06.07.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B347	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
28	50301977	BUI TIEN SY	21.05.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B348	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
29	50301979	LE NGOC PHAP	12.03.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B349	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
30	50301980	NGUYEN TIEN NGHIA	26.06.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B350	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
31	50301981	TRUONG THE DUC	29.09.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B351	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
32	50301983	DANG VAN VINH	28.09.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B352	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
33	50301985	CAO XUAN DUC	26.01.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B353	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
34	50301987	NGUYEN VAN LOC	08.09.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B354	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
35	50301988	MAI LY HAI	25.09.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B355	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
36	50301993	PHAN VAN TOI	15.07.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B356	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
37	50301998	THAI VAN MANH	27.04.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B357	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
38	50301999	NGUYEN HUU PHAP	18.06.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B358	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
39	50302000	NGUYEN TIEN TRUNG	19.03.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B359	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
40	50302001	TRAN HUU TUAN	02.12.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B360	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
41	50302002	KIEU VAN NHAN	09.10.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B361	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
42	50302003	TRAN TRUNG THANH	08.08.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B362	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
43	50302007	NGUYEN THAI DUONG	26.03.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B363	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
44	50302009	NGUYEN TIEN QUY	06.06.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B364	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
45	50302010	NGUYEN THI HANG	06.08.1994	Nữ	17.06.2026	Ca 2	19	B365	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
46	50302013	DUONG THE CUONG	09.04.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B366	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
47	50302014	NGUYEN VAN SON	10.04.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B367	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
48	50302015	NGUYEN DUY DANG	05.02.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A001	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
49	50302017	MAI LAM HUNG	05.06.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A002	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
50	50302020	VO DAI NHAN	14.08.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A003	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
51	50302022	TRAN VAN HIEU	25.04.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A004	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
52	50302025	NGUYEN VAN KHANH	28.10.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A005	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
53	50302026	PHAN THANH CHUONG	29.08.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A006	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
54	50302028	LE TRUONG GIANG	22.11.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A007	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
55	50302031	LE VAN CHUNG	21.09.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A008	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
56	50302032	NGUYEN VAN BAO	22.11.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A009	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
57	50302033	THIEU VAN	23.04.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A010	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
58	50302035	NGUYEN THI HANG	04.08.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	1	A011	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
59	50302037	HOANG VAN KIEM	12.08.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A012	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
60	50302038	TRAN QUOC TRI	30.08.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A013	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
61	50302040	NGUYEN THI PHUONG	26.01.1993	Nữ	18.06.2026	Ca 1	1	A014	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
62	50302042	TRAN DINH QUYEN	11.01.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A021	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
63	50302043	TRAN DINH MANH	02.11.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A022	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
64	50302044	NGUYEN DUC TRONG	01.06.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A023	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
65	50302046	KIEU THE DAN	03.11.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A024	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
66	50302047	NGUYEN THI LAN ANH	15.05.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	2	A025	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
67	50302048	LE THI HIEN	16.07.2000	Nữ	18.06.2026	Ca 1	2	A026	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
68	50302054	TRAN XUAN PHO	14.04.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A027	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
69	50302055	TRAN DINH KIEN	20.01.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A028	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
70	50302056	DAU XUAN QUAN	28.02.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A029	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
71	50302058	NGUYEN TONG NHAT	29.05.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A030	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
72	50302059	NGUYEN HAI THUONG	20.08.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A031	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
73	50302061	NGUYEN DUC HIEP	11.03.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A032	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
74	50302062	NGUYEN DY DAN	01.01.2008	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A033	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
75	50302064	LE VAN THANH	26.12.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A034	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
76	50302066	LE VAN CUONG	08.10.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A035	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
77	50302068	PHAM NGOC DUNG	14.04.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A036	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
78	50302070	NGUYEN VAN NHAT	25.06.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A037	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
79	50302071	DUONG ANH QUAN	26.12.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A038	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
80	50302073	PHAN CONG CHUNG	20.08.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A039	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
81	50302074	NGUYEN TRONG THIEN	22.10.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	2	A040	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
82	50302075	LE VAN CHI	10.08.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A056	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
83	50302076	TRAN THI MINH	02.05.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	3	A057	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
84	50302077	NGUYEN THI LOAN	02.03.1993	Nữ	18.06.2026	Ca 1	3	A058	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
85	50302078	NGUYEN TIEN THANG	27.03.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A059	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
86	50302079	NGUYEN THI THUY	03.02.2001	Nữ	18.06.2026	Ca 1	3	A060	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
87	50302080	NGUYEN THI THANH THUY	03.10.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	5	A085	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
88	50302082	NGUYEN TIEN VIET	20.02.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A086	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
89	50302084	BUI QUANG DUONG	14.11.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A087	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
90	50302085	NGUYEN THANH DO	27.07.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A088	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
91	50302087	NGUYEN VAN HUNG	28.03.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A089	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
92	50302088	NGUYEN VAN SY	02.02.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A090	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
93	50302089	VO VAN SON	05.11.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A091	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
94	50302090	NGUYEN VAN CHAU	01.01.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A092	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
95	50302092	PHAN ANH DUC	19.04.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A093	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
96	50302093	CAO TRONG HIEU	19.11.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A094	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
97	50302094	TRAN THI NGOC ANH	28.08.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	5	A095	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
98	50302096	NGUYEN HUU KHOI	02.06.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A096	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
99	50302097	PHAM HUU TUAN	22.10.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A097	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
100	50302099	LE TUAN HOANG	06.02.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A098	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
101	50302100	NGUYEN TIEN TRUNG	26.05.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A099	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
102	50302101	HOANG NGOC HIEU	12.07.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A100	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
103	50302105	NGUYEN THI DIEN	22.04.1989	Nữ	18.06.2026	Ca 1	6	A101	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
104	50302107	NGUYEN HOANG SANG	16.06.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A102	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
105	50302110	NGUYEN TRUNG HIEU	10.10.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A103	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
106	50302111	NGUYEN VAN THAO	20.10.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A104	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
107	50302112	CAO TRONG VIT	12.03.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A105	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
108	50302114	NGUYEN DINH VU	05.06.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A106	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
109	50302115	PHUONG THE NGOC	03.03.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A107	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
110	50302117	HOANG VAN TUAN	06.12.1986	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A108	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
111	50302118	HOANG VAN TUAN	20.12.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A109	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
112	50302120	PHAN THE PHUONG	10.08.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A110	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
113	50302123	TRAN MINH DUC	05.04.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A111	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
114	50302125	NGUYEN THI HOAI THU	02.02.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	6	A112	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
115	50302128	DUONG THI MY	11.05.1998	Nữ	18.06.2026	Ca 1	6	A113	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
116	50302129	NGUYEN THI ANH	12.04.1995	Nữ	18.06.2026	Ca 1	6	A114	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
117	50302130	VO VIET HA	17.09.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A115	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
118	50302131	NGUYEN TAM NGOC NAM	06.11.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A116	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
119	50302132	LE NGOC SON	03.02.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A117	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
120	50302136	NGUYEN NGOC TRINH	05.07.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	6	A118	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
121	50302139	NGUYEN THI LUONG	28.12.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	6	A119	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
122	50302140	NGUYEN THI HUONG	10.06.1996	Nữ	18.06.2026	Ca 1	6	A120	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
123	50302141	HOANG VAN MAU	20.08.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A121	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
124	50302144	NGUYEN THI NHI	15.10.1992	Nữ	18.06.2026	Ca 1	7	A122	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
125	50302146	CAO VAN DUC	05.05.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A123	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
126	50302149	TRAN HUU THUAN	20.05.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A124	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
127	50302161	PHAM VAN GIANG	08.02.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A125	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
128	50302162	NGUYEN TRONG QUOC PHONG	12.08.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A126	Ngư nghiệp	Hà Tĩnh
129	50600351	LUU KIM NGHIA	18.10.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A350	Lâm nghiệp	Lai Châu
130	50600352	LU VAN DEN	22.10.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A351	Lâm nghiệp	Lai Châu
131	50304341	NGUYEN THANH HAI	17.03.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B388	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
132	50304342	LE MINH DAT	23.08.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B389	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
133	50304343	DO THANH DANH	12.03.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B390	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
134	50304344	PHAM VAN HUNG	14.05.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B391	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
135	50304346	TRAN BAO AN	13.12.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B392	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
136	50304347	NGUYEN DUY TUAN	22.02.2008	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B393	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
137	50304348	TRAN QUANG VINH	23.10.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B394	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
138	50304349	DUONG DUC UYEN	09.12.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B395	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
139	50304350	VO VAN HANH	12.05.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B396	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
140	50304351	NGO VAN CUONG	03.03.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B397	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
141	50304352	TRAN KHANH TOAN	18.10.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B398	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
142	50304353	NGUYEN VAN XI	09.10.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B399	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
143	50304354	TRAN MINH VUONG	09.02.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	20	B400	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
144	50304355	VO TIEN DUC	27.10.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A015	Ngư nghiệp	Lâm Đồng
145	50500791	VO THI HOANG THUY	27.07.1994	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A343	Dịch vụ	Lâm Đồng
146	50603511	LE TRUNG HIEU	23.02.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A406	Lâm nghiệp	Lâm Đồng
147	50603512	VO HOAI THIEN	01.09.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A407	Lâm nghiệp	Lâm Đồng
148	50600401	PHUNG DAN HUY	29.10.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A352	Lâm nghiệp	Lạng Sơn
149	50600402	HOANG CONG NGHIA	08.09.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A353	Lâm nghiệp	Lạng Sơn
150	50600404	LAM VAN MOI	04.11.1989	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A354	Lâm nghiệp	Lạng Sơn
151	50600551	GIANG A TU	10.03.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A355	Lâm nghiệp	Lào Cai
152	50301272	LE THI LOAN	06.11.1998	Nữ	17.06.2026	Ca 2	4	B062	Ngư nghiệp	Nghệ An
153	50301273	NGUYEN XUAN PHUC	08.05.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B063	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
154	50301276	NGUYEN VAN TIEN	23.04.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B064	Ngư nghiệp	Nghệ An
155	50301278	PHAM VAN KHOAT	16.02.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B065	Ngư nghiệp	Nghệ An
156	50301279	HO THAI TU	10.02.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B066	Ngư nghiệp	Nghệ An
157	50301281	NGUYEN NGOC CUONG	13.10.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B067	Ngư nghiệp	Nghệ An
158	50301282	HO KHAC TRUONG	28.09.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B068	Ngư nghiệp	Nghệ An
159	50301283	NGUYEN VAN PHUONG LAM	13.11.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B069	Ngư nghiệp	Nghệ An
160	50301285	TRUONG VAN SON	15.11.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B070	Ngư nghiệp	Nghệ An
161	50301286	HO SY HUAN	29.09.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B071	Ngư nghiệp	Nghệ An
162	50301287	DAU DINH TUNG	26.03.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B072	Ngư nghiệp	Nghệ An
163	50301288	HO NA TRA	21.02.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B073	Ngư nghiệp	Nghệ An
164	50301289	PHAM CONG	15.08.1986	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B074	Ngư nghiệp	Nghệ An
165	50301291	NGUYEN XUAN THO	08.05.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B075	Ngư nghiệp	Nghệ An
166	50301292	HO DINH MINH	21.01.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B076	Ngư nghiệp	Nghệ An
167	50301296	HO DUC TOAN	30.12.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B077	Ngư nghiệp	Nghệ An
168	50301298	PHAN VAN HONG	24.04.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B081	Ngư nghiệp	Nghệ An
169	50301299	VU XUAN SON	13.08.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B082	Ngư nghiệp	Nghệ An
170	50301301	HO SY DAT	07.12.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B083	Ngư nghiệp	Nghệ An
171	50301302	TRAN THI THUONG	02.04.1991	Nữ	17.06.2026	Ca 2	5	B084	Ngư nghiệp	Nghệ An
172	50301303	NGUYEN DINH NAM	16.03.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B085	Ngư nghiệp	Nghệ An
173	50301304	HO VAN TUAN	22.12.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B101	Ngư nghiệp	Nghệ An
174	50301307	VAN DUC HIEU	29.05.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B102	Ngư nghiệp	Nghệ An
175	50301309	TRAN VAN SON	26.03.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B103	Ngư nghiệp	Nghệ An
176	50301310	LE BA QUAN	19.07.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B104	Ngư nghiệp	Nghệ An
177	50301311	NGUYEN PHUC GIOI	15.09.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B105	Ngư nghiệp	Nghệ An
178	50301312	HO PHUC THEM	03.07.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B106	Ngư nghiệp	Nghệ An
179	50301313	VU XUAN SY	13.05.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B107	Ngư nghiệp	Nghệ An
180	50301314	LE BA THAI	23.07.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B108	Ngư nghiệp	Nghệ An
181	50301315	HO VAN NGHIA	06.10.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B109	Ngư nghiệp	Nghệ An
182	50301316	VO DINH DUNG	02.11.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B110	Ngư nghiệp	Nghệ An
183	50301317	NGUYEN THANH TU	14.09.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B111	Ngư nghiệp	Nghệ An
184	50301321	HO MAU THIEN	23.02.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B112	Ngư nghiệp	Nghệ An
185	50301324	VU DUC QUYT	09.09.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B113	Ngư nghiệp	Nghệ An
186	50301325	NGUYEN PHUC LY	06.09.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B114	Ngư nghiệp	Nghệ An
187	50301326	PHAN VAN HOANG	16.09.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B115	Ngư nghiệp	Nghệ An
188	50301327	NGO QUOC QUAN	05.07.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B116	Ngư nghiệp	Nghệ An
189	50301329	NGUYEN PHUC CHUONG	24.09.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B117	Ngư nghiệp	Nghệ An
190	50301330	HOANG QUOC CUONG	19.09.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B118	Ngư nghiệp	Nghệ An
191	50301332	NGUYEN VAN HIEN	08.11.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B119	Ngư nghiệp	Nghệ An
192	50301334	HO VAN HAO	02.09.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	6	B120	Ngư nghiệp	Nghệ An
193	50301335	TRAN VAN BAO	24.07.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B121	Ngư nghiệp	Nghệ An
194	50301336	VO QUANG VINH	01.11.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B122	Ngư nghiệp	Nghệ An
195	50301337	PHAM MANH MINH	18.08.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B123	Ngư nghiệp	Nghệ An
196	50301338	PHAN VAN HIEP	29.03.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B124	Ngư nghiệp	Nghệ An
197	50301339	NGUYEN THI TRA MY	06.02.2002	Nữ	17.06.2026	Ca 2	7	B125	Ngư nghiệp	Nghệ An
198	50301340	NGUYEN BA VIET	15.10.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B126	Ngư nghiệp	Nghệ An
199	50301342	NGUYEN VAN DAI	17.07.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B127	Ngư nghiệp	Nghệ An
200	50301343	NGUYEN THI BAO YEN	16.05.2000	Nữ	17.06.2026	Ca 2	7	B128	Ngư nghiệp	Nghệ An
201	50301344	LE THI LAN ANH	10.10.1999	Nữ	17.06.2026	Ca 2	7	B129	Ngư nghiệp	Nghệ An
202	50301345	PHAN VAN NAM	06.05.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B130	Ngư nghiệp	Nghệ An
203	50301346	HO QUANG HUY	06.04.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B131	Ngư nghiệp	Nghệ An
204	50301347	LE BA THUONG	06.11.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B132	Ngư nghiệp	Nghệ An
205	50301348	TO DUY THANH	22.05.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B133	Ngư nghiệp	Nghệ An
206	50301351	TRAN DINH BUT	06.09.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B134	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
207	50301352	NGUYEN VAN THANH	25.07.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B161	Ngư nghiệp	Nghệ An
208	50301353	LE DUC VINH	21.10.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B162	Ngư nghiệp	Nghệ An
209	50301355	LE THANH TAI	28.09.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B163	Ngư nghiệp	Nghệ An
210	50301357	LUONG THE QUY	04.04.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B164	Ngư nghiệp	Nghệ An
211	50301358	TRAN PHUC LAU	23.01.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B165	Ngư nghiệp	Nghệ An
212	50301359	HOANG VAN LINH	06.07.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B166	Ngư nghiệp	Nghệ An
213	50301361	PHAN VAN LE	03.08.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B167	Ngư nghiệp	Nghệ An
214	50301362	HOANG VAN LINH	20.01.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B181	Ngư nghiệp	Nghệ An
215	50301363	HOANG VAN TUAN	08.04.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B182	Ngư nghiệp	Nghệ An
216	50301364	PHAM DANG NAM	13.11.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B183	Ngư nghiệp	Nghệ An
217	50301366	DAU DINH HAI DUY	01.07.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B184	Ngư nghiệp	Nghệ An
218	50301367	NGUYEN VAN DONG	17.05.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B185	Ngư nghiệp	Nghệ An
219	50301370	HO VAN TRUNG	09.10.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B186	Ngư nghiệp	Nghệ An
220	50301371	BUI THAI AN THUYEN	13.08.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B187	Ngư nghiệp	Nghệ An
221	50301372	NGUYEN VAN MANH	01.10.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B188	Ngư nghiệp	Nghệ An
222	50301374	BUI VAN CUONG	19.03.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B189	Ngư nghiệp	Nghệ An
223	50301376	TRAN XUAN HAI	14.10.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B190	Ngư nghiệp	Nghệ An
224	50301377	LE VAN THANH	10.05.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B191	Ngư nghiệp	Nghệ An
225	50301378	BUI VAN PHUOC	08.02.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B192	Ngư nghiệp	Nghệ An
226	50301380	HO VAN LONG	19.11.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B193	Ngư nghiệp	Nghệ An
227	50301381	NGUYEN VAN QUYEN	08.07.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B194	Ngư nghiệp	Nghệ An
228	50301382	NGUYEN VAN DAI	10.03.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B195	Ngư nghiệp	Nghệ An
229	50301385	NGUYEN NGOC SON	23.08.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B196	Ngư nghiệp	Nghệ An
230	50301386	PHAN VAN BAO NGUYEN	16.10.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B197	Ngư nghiệp	Nghệ An
231	50301387	DAU THI MAI	26.07.2005	Nữ	17.06.2026	Ca 2	10	B198	Ngư nghiệp	Nghệ An
232	50301388	LE VAN LINH	08.03.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B199	Ngư nghiệp	Nghệ An
233	50301389	TRAN DUC TAI	04.01.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	10	B200	Ngư nghiệp	Nghệ An
234	50301391	LE THI VINH	10.03.1996	Nữ	17.06.2026	Ca 2	11	B201	Ngư nghiệp	Nghệ An
235	50301393	NGUYEN THI DIEP	12.10.2001	Nữ	17.06.2026	Ca 2	11	B202	Ngư nghiệp	Nghệ An
236	50301394	HO THI TRANG	16.12.1998	Nữ	17.06.2026	Ca 2	11	B203	Ngư nghiệp	Nghệ An
237	50301395	HOANG DUC CUONG	10.07.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B204	Ngư nghiệp	Nghệ An
238	50301396	TRAN VAN DUYET	09.09.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B205	Ngư nghiệp	Nghệ An
239	50301397	LE BA SU	10.06.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B206	Ngư nghiệp	Nghệ An
240	50301398	TRAN DINH THUONG	13.12.1988	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B207	Ngư nghiệp	Nghệ An
241	50301399	CAO VAN KY	14.11.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B208	Ngư nghiệp	Nghệ An
242	50301400	TRAN XUAN TUAN	11.07.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B209	Ngư nghiệp	Nghệ An
243	50301401	NGUYEN BAO QUY	01.10.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B210	Ngư nghiệp	Nghệ An
244	50301403	NGUYEN VAN PHUOC	30.12.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B211	Ngư nghiệp	Nghệ An
245	50301405	HO VAN NHAT	21.10.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B212	Ngư nghiệp	Nghệ An
246	50301406	HOANG BAC DO	20.01.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B241	Ngư nghiệp	Nghệ An
247	50301407	LE BA TRINH	06.04.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B242	Ngư nghiệp	Nghệ An
248	50301408	HO VAN SY	23.12.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B243	Ngư nghiệp	Nghệ An
249	50301409	LE NGUYEN THAO	16.10.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B244	Ngư nghiệp	Nghệ An
250	50301410	NGUYEN HUU THANH	13.06.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B245	Ngư nghiệp	Nghệ An
251	50301411	NGUYEN HUU HIEN	16.09.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B246	Ngư nghiệp	Nghệ An
252	50301412	NGUYEN THI HOA	22.11.2005	Nữ	17.06.2026	Ca 2	13	B247	Ngư nghiệp	Nghệ An
253	50301414	LE VAN HAU	20.09.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B248	Ngư nghiệp	Nghệ An
254	50301415	MAI VAN SON	16.12.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B249	Ngư nghiệp	Nghệ An
255	50301416	LE VAN HA	03.02.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B261	Ngư nghiệp	Nghệ An
256	50301419	LUONG THIEN	01.07.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B262	Ngư nghiệp	Nghệ An
257	50301420	NGUYEN VAN BANG	24.05.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B263	Ngư nghiệp	Nghệ An
258	50301425	HO PHUC DUY	13.08.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B264	Ngư nghiệp	Nghệ An
259	50301426	PHAM DANG DO	02.01.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B265	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
260	50301427	NGUYEN BA TIEN	12.06.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B266	Ngư nghiệp	Nghệ An
261	50301428	BACH TRONG TOAN	21.10.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B267	Ngư nghiệp	Nghệ An
262	50301429	NGUYEN VAN QUOC	13.09.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B268	Ngư nghiệp	Nghệ An
263	50301431	TRAN VAN LONG	15.08.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B269	Ngư nghiệp	Nghệ An
264	50301432	LE BA NGHIA	06.04.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B270	Ngư nghiệp	Nghệ An
265	50301433	HOANG VAN BANG	06.04.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B271	Ngư nghiệp	Nghệ An
266	50301434	PHAM VAN HOANG	25.12.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B272	Ngư nghiệp	Nghệ An
267	50301436	LE HUU HOANG	17.05.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B273	Ngư nghiệp	Nghệ An
268	50301438	NGUYEN HO THANH DAT	01.08.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B274	Ngư nghiệp	Nghệ An
269	50301439	NGUYEN HUY HIEU	31.08.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B275	Ngư nghiệp	Nghệ An
270	50301440	TO VAN HANH	02.02.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B276	Ngư nghiệp	Nghệ An
271	50301441	NGUYEN VAN ANH	30.11.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B277	Ngư nghiệp	Nghệ An
272	50301442	VU XUAN QUY	04.08.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B278	Ngư nghiệp	Nghệ An
273	50301443	LE DANH BINH	18.08.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B279	Ngư nghiệp	Nghệ An
274	50301446	LE DANG HANG	04.10.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	14	B280	Ngư nghiệp	Nghệ An
275	50301447	VU XUAN HAN	15.02.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B281	Ngư nghiệp	Nghệ An
276	50301448	TRUONG DUC TAI	05.01.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B282	Ngư nghiệp	Nghệ An
277	50301449	PHAN VAN CAO PHAT	15.10.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B283	Ngư nghiệp	Nghệ An
278	50301451	NGUYEN VAN QUAN	28.02.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B284	Ngư nghiệp	Nghệ An
279	50301454	PHAN ANH TU	29.08.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B285	Ngư nghiệp	Nghệ An
280	50301455	LE NGUYEN VIET HUNG	20.09.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B286	Ngư nghiệp	Nghệ An
281	50301456	NGUYEN PHUC HANH	15.09.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B287	Ngư nghiệp	Nghệ An
282	50301459	NGUYEN VAN QUAN	04.08.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B288	Ngư nghiệp	Nghệ An
283	50301460	HO SY THONG	10.01.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B289	Ngư nghiệp	Nghệ An
284	50301461	TRUONG HONG PHONG	29.07.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B290	Ngư nghiệp	Nghệ An
285	50301462	PHAM NGOC THANH	05.06.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B321	Ngư nghiệp	Nghệ An
286	50301465	HO VAN NINH	12.03.1987	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B322	Ngư nghiệp	Nghệ An
287	50301466	BUI NGOC QUYEN	27.11.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B323	Ngư nghiệp	Nghệ An
288	50301467	NGUYEN PHONG PHU	20.11.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B324	Ngư nghiệp	Nghệ An
289	50301468	PHAM NGOC LINH	25.08.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B325	Ngư nghiệp	Nghệ An
290	50301471	LUU DINH THANG	09.11.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B326	Ngư nghiệp	Nghệ An
291	50301472	VU XUAN CUONG	14.02.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B327	Ngư nghiệp	Nghệ An
292	50301475	PHAM HONG MY	10.02.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B328	Ngư nghiệp	Nghệ An
293	50301476	NGO QUANG TU	11.09.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B329	Ngư nghiệp	Nghệ An
294	50301479	HOANG VAN TRUNG	10.01.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B330	Ngư nghiệp	Nghệ An
295	50301480	NGUYEN DOAN SON	26.12.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B331	Ngư nghiệp	Nghệ An
296	50301481	NGUYEN VAN MY	23.02.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B341	Ngư nghiệp	Nghệ An
297	50301486	NGUYEN NGOC THANH	20.04.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B342	Ngư nghiệp	Nghệ An
298	50301487	VU VAN VIET	22.02.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B343	Ngư nghiệp	Nghệ An
299	50301489	VU THANH TUNG	01.04.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B344	Ngư nghiệp	Nghệ An
300	50301492	TRAN XUAN HAO	10.04.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B345	Ngư nghiệp	Nghệ An
301	50301493	DANG TO CHAT	15.09.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	18	B346	Ngư nghiệp	Nghệ An
302	50500421	TRAN THI NHU QUYNH	11.03.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A326	Dịch vụ	Nghệ An
303	50500422	NGUYEN HIEN GIAP	04.10.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	17	A327	Dịch vụ	Nghệ An
304	50500425	MAI THI HUONG	04.08.1989	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A328	Dịch vụ	Nghệ An
305	50500426	DO KIM THOA	20.02.2000	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A329	Dịch vụ	Nghệ An
306	50500427	HA THI TINH	07.08.1995	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A330	Dịch vụ	Nghệ An
307	50500428	VU THI LAN	17.09.1995	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A331	Dịch vụ	Nghệ An
308	50500429	BUI DANG HIEU	12.12.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	17	A332	Dịch vụ	Nghệ An
309	50500431	PHAN THI HUYEN	19.11.2006	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A333	Dịch vụ	Nghệ An
310	50500432	TRAN THI ANH	10.08.1991	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A334	Dịch vụ	Nghệ An
311	50500434	LE THI HONG	25.10.1991	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A335	Dịch vụ	Nghệ An
312	50500436	CHU THI THAO	10.06.1991	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A336	Dịch vụ	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
313	50500437	HO THI KIM DUNG	18.09.2001	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A337	Dịch vụ	Nghệ An
314	50601721	PHAM VAN SON	07.07.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A385	Lâm nghiệp	Nghệ An
315	50601722	LE ANH DAN	27.11.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A386	Lâm nghiệp	Nghệ An
316	50601724	LO MANH HUNG	11.06.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A387	Lâm nghiệp	Nghệ An
317	50601727	PHAM TRONG LONG	24.04.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A388	Lâm nghiệp	Nghệ An
318	50601729	NGUYEN VAN MANH	01.07.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A389	Lâm nghiệp	Nghệ An
319	50601731	DAU NGOC KHANH	06.06.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A390	Lâm nghiệp	Nghệ An
320	50601732	LU VAN KHANH	07.05.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A391	Lâm nghiệp	Nghệ An
321	50601733	HA VAN DAT	01.06.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A392	Lâm nghiệp	Nghệ An
322	50601734	LO QUOC THANH	22.08.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A393	Lâm nghiệp	Nghệ An
323	50601735	LUONG VAN THAO	28.07.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A394	Lâm nghiệp	Nghệ An
324	50601736	LE VAN MANH	13.10.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A395	Lâm nghiệp	Nghệ An
325	50601737	CAO NGOC CUONG	02.01.1988	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A396	Lâm nghiệp	Nghệ An
326	50601739	LO VAN TUAN	27.06.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A397	Lâm nghiệp	Nghệ An
327	50601740	NGUYEN VINH HOANG	11.09.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A398	Lâm nghiệp	Nghệ An
328	50601741	TRAN VAN MANH	15.06.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A399	Lâm nghiệp	Nghệ An
329	50601742	VO SY VAN	20.10.1987	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A400	Lâm nghiệp	Nghệ An
330	50601743	NGUYEN XUAN LOC	06.01.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A401	Lâm nghiệp	Nghệ An
331	50300142	NGUYEN VAN THANH	25.12.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A041	Ngư nghiệp	Ninh Bình
332	50300143	NGUYEN VAN CONG	19.01.1988	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A042	Ngư nghiệp	Ninh Bình
333	50300144	NGUYEN VAN SON	03.02.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A043	Ngư nghiệp	Ninh Bình
334	50300145	NGUYEN VAN DONG	02.01.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A044	Ngư nghiệp	Ninh Bình
335	50300146	NGUYEN DUC HOANG	04.04.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A045	Ngư nghiệp	Ninh Bình
336	50500211	BUI THI ANH	14.12.1994	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A322	Dịch vụ	Phú Thọ
337	50600651	HA THU THUY	20.01.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	18	A356	Lâm nghiệp	Phú Thọ
338	50600751	BUI TRONG DAT	12.09.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A357	Lâm nghiệp	Phú Thọ
339	50600752	NGUYEN QUANG DAO	02.09.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A358	Lâm nghiệp	Phú Thọ
340	50600753	NGUYEN THI HUONG GIANG	14.08.1991	Nữ	18.06.2026	Ca 1	18	A359	Lâm nghiệp	Phú Thọ
341	50303811	DUONG TAN HA	02.11.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B313	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
342	50303817	BUI MINH THONG	26.09.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B314	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
343	50303820	NGUYEN THANH DIEP	22.02.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B315	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
344	50303821	VO VAN KHANH	15.01.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B316	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
345	50303822	TRAN HUNG TRIEN	25.07.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B317	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
346	50303823	DO THI THU HIEN	21.05.2005	Nữ	17.06.2026	Ca 2	16	B318	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
347	50303825	VO VAN PHAY	27.11.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B319	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
348	50303826	DO TAN THAT	30.04.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B320	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
349	50303827	NGUYEN DUY PHI	04.03.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B332	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
350	50303828	VO DUY SON	23.10.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B333	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
351	50303829	NGUYEN VAN TUAN	14.02.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B334	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
352	50303834	LY NGUYEN QUOC DAT	20.04.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B335	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
353	50303835	NGO QUANG TUAN	26.09.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B336	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
354	50303837	HO VAN MINH	20.12.1986	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B337	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
355	50303838	DANG DUC TRI	24.04.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B338	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
356	50303839	NGUYEN QUOC VUONG	11.07.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B339	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
357	50303840	NGUYEN SANG	10.01.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	17	B340	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
358	50303842	NGUYEN NGOC HIEN	15.10.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B368	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
359	50303846	NGUYEN VAN LUAN	22.03.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B369	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
360	50303847	DANG TRUNG NHAN	10.09.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B370	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
361	50303848	LUU PHUONG XUA	18.05.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B371	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
362	50303850	NGUYEN TRUNG DUY	18.11.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	19	B372	Ngư nghiệp	Quảng Ngãi
363	50602723	HO THI LY	06.08.1990	Nữ	18.06.2026	Ca 1	20	A404	Lâm nghiệp	Quảng Ngãi
364	50300383	VU NAM QUYEN	05.04.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A046	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
365	50300384	LE MINH DUC	22.11.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A047	Ngư nghiệp	Quảng Ninh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
366	50300385	DINH VAN QUYNH	26.11.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A048	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
367	50300386	DINH ANH TUAN	29.11.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A049	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
368	50300387	NGO VAN QUYET	13.06.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A050	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
369	50300388	HOANG VAN TAM	02.01.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A051	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
370	50300389	NGUYEN DANG QUANG	07.04.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A052	Ngư nghiệp	Quảng Ninh
371	50600801	DANG THAI CHUNG	28.05.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A360	Lâm nghiệp	Quảng Ninh
372	50600803	TANG XUAN MINH	13.07.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A361	Lâm nghiệp	Quảng Ninh
373	50600804	HOANG MINH CHUNG	29.09.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A362	Lâm nghiệp	Quảng Ninh
374	50302671	HOANG VAN TAM	20.10.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A127	Ngư nghiệp	Quảng Trị
375	50302672	HA CONG TOAN	28.06.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A128	Ngư nghiệp	Quảng Trị
376	50302673	HOANG HUU	14.03.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A129	Ngư nghiệp	Quảng Trị
377	50302674	TRAN VAN NUI	19.02.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A130	Ngư nghiệp	Quảng Trị
378	50302675	VO TIEN THANH	10.03.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A131	Ngư nghiệp	Quảng Trị
379	50302676	PHAM VIET HOANG	22.05.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A132	Ngư nghiệp	Quảng Trị
380	50302677	LE VAN DIEN	10.04.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A133	Ngư nghiệp	Quảng Trị
381	50302678	NGUYEN VAN QUYEN	16.02.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A134	Ngư nghiệp	Quảng Trị
382	50302681	HOANG DINH MANH	19.09.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A135	Ngư nghiệp	Quảng Trị
383	50302682	NGUYEN VAN VANG	20.02.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A136	Ngư nghiệp	Quảng Trị
384	50302683	TRUONG XUAN HUNG	20.02.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A137	Ngư nghiệp	Quảng Trị
385	50302687	HOANG VAN TIEP	15.08.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A141	Ngư nghiệp	Quảng Trị
386	50302688	HOANG VIET HO	15.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A142	Ngư nghiệp	Quảng Trị
387	50302689	PHAM MANH QUYEN	31.03.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A143	Ngư nghiệp	Quảng Trị
388	50302695	HOANG NGOC NOM	15.06.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A144	Ngư nghiệp	Quảng Trị
389	50302697	NGUYEN VAN LANH	01.05.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A145	Ngư nghiệp	Quảng Trị
390	50302699	MAI THANH QUY	05.07.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A146	Ngư nghiệp	Quảng Trị
391	50302700	TRAN HIEU TRUNG	29.01.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A147	Ngư nghiệp	Quảng Trị
392	50302702	NGUYEN THAI SON	20.05.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A148	Ngư nghiệp	Quảng Trị
393	50302703	NGUYEN HAO QUANG	12.02.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A149	Ngư nghiệp	Quảng Trị
394	50302705	PHAM HUNG	26.02.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A150	Ngư nghiệp	Quảng Trị
395	50302706	PHAM THANH HAI	22.07.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A151	Ngư nghiệp	Quảng Trị
396	50302708	PHAM NGOC THAO	12.05.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A152	Ngư nghiệp	Quảng Trị
397	50302709	NGUYEN VAN THIEN	16.02.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A153	Ngư nghiệp	Quảng Trị
398	50302712	PHAN VAN TU	06.01.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A154	Ngư nghiệp	Quảng Trị
399	50302714	MAI VAN HUY	13.09.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A155	Ngư nghiệp	Quảng Trị
400	50302715	MAI XUAN SON	21.12.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A156	Ngư nghiệp	Quảng Trị
401	50302717	NGUYEN VAN THUYEN	25.09.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A157	Ngư nghiệp	Quảng Trị
402	50302718	NGUYEN LUONG THIEN	01.07.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A158	Ngư nghiệp	Quảng Trị
403	50302720	PHAN VAN CONG	01.04.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A159	Ngư nghiệp	Quảng Trị
404	50302721	NGUYEN HOANG MINH VUONG	13.06.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	8	A160	Ngư nghiệp	Quảng Trị
405	50302722	HOANG QUOC BAO	08.06.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A161	Ngư nghiệp	Quảng Trị
406	50302725	PHAN VIET HUNG	12.06.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A162	Ngư nghiệp	Quảng Trị
407	50302726	PHAM QUOC	28.03.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A163	Ngư nghiệp	Quảng Trị
408	50302727	HOANG TRUNG KIEN	18.10.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A164	Ngư nghiệp	Quảng Trị
409	50302728	HOANG DINH SANG	08.10.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A165	Ngư nghiệp	Quảng Trị
410	50302730	HOANG VAN HAI	04.05.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A166	Ngư nghiệp	Quảng Trị
411	50302732	LE MINH THIEN	07.03.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A167	Ngư nghiệp	Quảng Trị
412	50302733	NGUYEN VAN GANG	27.02.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A168	Ngư nghiệp	Quảng Trị
413	50302734	LE TIEN HAI	11.08.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A169	Ngư nghiệp	Quảng Trị
414	50302735	NGUYEN TAN LOC	29.03.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A170	Ngư nghiệp	Quảng Trị
415	50302736	NGUYEN HIEU QUYEN	29.06.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A171	Ngư nghiệp	Quảng Trị
416	50302737	NGUYEN TUAN HUNG	29.08.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A172	Ngư nghiệp	Quảng Trị
417	50302738	NGUYEN THANH BINH	15.06.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A173	Ngư nghiệp	Quảng Trị
418	50302739	NGUYEN LUU NIEM	12.11.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A174	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
419	50302742	HOANG VAN DAT	30.05.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A175	Ngư nghiệp	Quảng Trị
420	50302746	PHAM MINH HOANG	24.10.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A176	Ngư nghiệp	Quảng Trị
421	50302747	PHAM VU	10.06.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A177	Ngư nghiệp	Quảng Trị
422	50302748	NGUYEN VAN TAM	26.02.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A178	Ngư nghiệp	Quảng Trị
423	50302749	NGUYEN THI HOAI NHO	20.11.2001	Nữ	18.06.2026	Ca 1	9	A179	Ngư nghiệp	Quảng Trị
424	50302750	LE HUU TINH	10.02.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	9	A180	Ngư nghiệp	Quảng Trị
425	50302752	NGUYEN THI HA VY	12.01.2003	Nữ	18.06.2026	Ca 1	10	A181	Ngư nghiệp	Quảng Trị
426	50302753	DO THI HONG MAI	30.10.2000	Nữ	18.06.2026	Ca 1	10	A182	Ngư nghiệp	Quảng Trị
427	50302754	TRUONG HONG CHIEN	05.02.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A183	Ngư nghiệp	Quảng Trị
428	50302758	TRAN VUNG	16.01.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A184	Ngư nghiệp	Quảng Trị
429	50302759	NGO NHAT DUNG	24.10.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A185	Ngư nghiệp	Quảng Trị
430	50302760	PHAN THANH DUC	25.10.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A186	Ngư nghiệp	Quảng Trị
431	50302761	LE VAN THANH	17.08.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A187	Ngư nghiệp	Quảng Trị
432	50302762	NGUYEN NGOC THIEN	07.03.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A188	Ngư nghiệp	Quảng Trị
433	50302763	PHAM XUAN TUAN	04.01.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A189	Ngư nghiệp	Quảng Trị
434	50302764	NGO QUY LONG	19.06.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A190	Ngư nghiệp	Quảng Trị
435	50302766	NGUYEN THI HOAI	13.02.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	10	A191	Ngư nghiệp	Quảng Trị
436	50302768	PHAM VAN THANH	07.08.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A192	Ngư nghiệp	Quảng Trị
437	50302769	MAI THI HIEN	19.02.2000	Nữ	18.06.2026	Ca 1	10	A193	Ngư nghiệp	Quảng Trị
438	50302770	PHAM BINH	25.11.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A194	Ngư nghiệp	Quảng Trị
439	50302771	DINH THI LINH	06.10.2000	Nữ	18.06.2026	Ca 1	10	A195	Ngư nghiệp	Quảng Trị
440	50302772	VO THI THUYEN	14.02.2006	Nữ	18.06.2026	Ca 1	10	A196	Ngư nghiệp	Quảng Trị
441	50302773	CAO SOI	10.04.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A197	Ngư nghiệp	Quảng Trị
442	50302774	NGUYEN HOAI NAM	17.02.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A198	Ngư nghiệp	Quảng Trị
443	50302777	HO TRUONG THINH	28.11.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A199	Ngư nghiệp	Quảng Trị
444	50302778	NGUYEN VAN DUONG	18.10.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	10	A200	Ngư nghiệp	Quảng Trị
445	50302779	DINH THI TRINH	01.07.2001	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A201	Ngư nghiệp	Quảng Trị
446	50302780	VO DANH MAY	07.12.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A202	Ngư nghiệp	Quảng Trị
447	50302784	TRAN XUAN QUY	26.08.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A203	Ngư nghiệp	Quảng Trị
448	50302786	PHAN TAI LOC	31.05.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A204	Ngư nghiệp	Quảng Trị
449	50302787	HOANG VAN TRUNG	15.03.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A205	Ngư nghiệp	Quảng Trị
450	50302789	NGUYEN HUU HOA	04.07.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A206	Ngư nghiệp	Quảng Trị
451	50302790	HOANG THI NGOC HUYEN	29.08.2003	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A207	Ngư nghiệp	Quảng Trị
452	50302792	HOANG VAN SON	23.11.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A208	Ngư nghiệp	Quảng Trị
453	50302793	NGUYEN HUU CHIEN	08.06.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A209	Ngư nghiệp	Quảng Trị
454	50302794	HOANG THI MAI TRINH	21.03.2003	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A210	Ngư nghiệp	Quảng Trị
455	50302795	VO HAI DUONG	10.10.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A211	Ngư nghiệp	Quảng Trị
456	50302796	PHAM VAN DY	20.10.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A212	Ngư nghiệp	Quảng Trị
457	50302797	HOANG THI NHI	04.03.2003	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A213	Ngư nghiệp	Quảng Trị
458	50302799	NGUYEN HUU TUAT	23.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A214	Ngư nghiệp	Quảng Trị
459	50302800	NGUYEN DUC QUAN	22.12.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A215	Ngư nghiệp	Quảng Trị
460	50302801	HO THANH TAC	04.10.1989	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A216	Ngư nghiệp	Quảng Trị
461	50302802	NGUYEN THANH NAM	28.11.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	11	A217	Ngư nghiệp	Quảng Trị
462	50302803	BUI THI THU HUYEN	03.12.2005	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A218	Ngư nghiệp	Quảng Trị
463	50302804	NGUYEN THU HA	22.07.2007	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A219	Ngư nghiệp	Quảng Trị
464	50302805	HOANG THI HAI YEN	30.10.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	11	A220	Ngư nghiệp	Quảng Trị
465	50302806	MAI THI HA	10.12.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	12	A221	Ngư nghiệp	Quảng Trị
466	50302808	NGUYEN HOAI NAM	27.04.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A222	Ngư nghiệp	Quảng Trị
467	50302809	NGUYEN VAN SON	10.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A223	Ngư nghiệp	Quảng Trị
468	50302811	LE THI KIEU TRINH	20.11.2003	Nữ	18.06.2026	Ca 1	12	A224	Ngư nghiệp	Quảng Trị
469	50302812	HOANG MINH THIEN	10.07.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A225	Ngư nghiệp	Quảng Trị
470	50302814	PHUNG TAN DAT	21.01.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A226	Ngư nghiệp	Quảng Trị
471	50302815	PHAN HOAI NAM	04.05.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A227	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
472	50302817	HO VAN LANH	20.06.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A228	Ngư nghiệp	Quảng Trị
473	50302818	HOANG VAN TOAN	29.07.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A229	Ngư nghiệp	Quảng Trị
474	50302819	HOANG QUANG HUY	03.03.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A230	Ngư nghiệp	Quảng Trị
475	50302821	HOANG QUOC KHANH	02.06.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A231	Ngư nghiệp	Quảng Trị
476	50302823	HOANG DUC SINH	16.12.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A232	Ngư nghiệp	Quảng Trị
477	50302824	TRAN MANH DUNG	05.11.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A233	Ngư nghiệp	Quảng Trị
478	50302825	MAI MANH HUNG	28.10.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A234	Ngư nghiệp	Quảng Trị
479	50302826	PHAM VAN DONG	26.05.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A235	Ngư nghiệp	Quảng Trị
480	50302830	NGUYEN HUU TIEN	03.05.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A236	Ngư nghiệp	Quảng Trị
481	50302831	LE VAN THEM	22.01.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A237	Ngư nghiệp	Quảng Trị
482	50302833	TRAN DUC SU	27.09.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A238	Ngư nghiệp	Quảng Trị
483	50302838	HOANG ANH DUC QUAN	30.04.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A239	Ngư nghiệp	Quảng Trị
484	50302839	HOANG VAN KHANH	13.10.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	12	A240	Ngư nghiệp	Quảng Trị
485	50302841	NGUYEN VAN TRUONG	24.12.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A241	Ngư nghiệp	Quảng Trị
486	50302844	TRUONG CONG SY	03.11.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A242	Ngư nghiệp	Quảng Trị
487	50302847	TRUONG ANH TU	06.07.1995	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A243	Ngư nghiệp	Quảng Trị
488	50302848	NGO MINH HIEN	08.07.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A244	Ngư nghiệp	Quảng Trị
489	50302850	PHAM CHIEN CONG	16.09.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A245	Ngư nghiệp	Quảng Trị
490	50302852	TRAN VAN NAM	28.10.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A246	Ngư nghiệp	Quảng Trị
491	50302853	DANG HONG QUAN	25.08.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A247	Ngư nghiệp	Quảng Trị
492	50302854	NGUYEN VAN PHONG	26.05.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A248	Ngư nghiệp	Quảng Trị
493	50302855	NGUYEN VAN VU	06.02.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A249	Ngư nghiệp	Quảng Trị
494	50302856	MAI THI DIEU HUYEN	07.03.2005	Nữ	18.06.2026	Ca 1	13	A250	Ngư nghiệp	Quảng Trị
495	50302858	HOANG VAN VY	02.11.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A251	Ngư nghiệp	Quảng Trị
496	50302859	NGUYEN NGOC TRUNG	30.09.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A252	Ngư nghiệp	Quảng Trị
497	50302860	LE VAN HUNG	07.10.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A253	Ngư nghiệp	Quảng Trị
498	50302863	HOANG XUAN QUYET	25.03.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A254	Ngư nghiệp	Quảng Trị
499	50302864	CAO HOANG HUU QUYNH	29.10.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A255	Ngư nghiệp	Quảng Trị
500	50302866	HOANG THI THU NGA	01.06.2006	Nữ	18.06.2026	Ca 1	13	A256	Ngư nghiệp	Quảng Trị
501	50302868	TRUONG VAN THIEN	19.09.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A257	Ngư nghiệp	Quảng Trị
502	50302869	TRAN TUAN HUNG	04.10.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A258	Ngư nghiệp	Quảng Trị
503	50302870	NGUYEN THI NHAN	18.03.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	13	A259	Ngư nghiệp	Quảng Trị
504	50302871	DANG HAI DANG	04.04.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	13	A260	Ngư nghiệp	Quảng Trị
505	50302874	PHAM HONG SON	01.02.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A261	Ngư nghiệp	Quảng Trị
506	50302875	TRUONG MINH ANH	28.06.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A262	Ngư nghiệp	Quảng Trị
507	50302876	TU NGOC QUY	08.07.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A263	Ngư nghiệp	Quảng Trị
508	50302877	CAO VAN HANH	20.09.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A264	Ngư nghiệp	Quảng Trị
509	50302878	CAO THI THUY HIEN	22.04.2007	Nữ	18.06.2026	Ca 1	14	A265	Ngư nghiệp	Quảng Trị
510	50302880	NGUYEN THANH DUY	27.10.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A266	Ngư nghiệp	Quảng Trị
511	50302882	CAO SANG	13.09.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A267	Ngư nghiệp	Quảng Trị
512	50302883	NGUYEN VAN LUC	26.04.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A268	Ngư nghiệp	Quảng Trị
513	50302885	PHAM CONG TIEN	08.03.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A269	Ngư nghiệp	Quảng Trị
514	50302886	HA THI THANH TAM	01.10.1999	Nữ	18.06.2026	Ca 1	14	A270	Ngư nghiệp	Quảng Trị
515	50302888	MAI THI THUY DUNG	19.01.2005	Nữ	18.06.2026	Ca 1	14	A271	Ngư nghiệp	Quảng Trị
516	50302889	NGUYEN VAN HOA	10.06.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A272	Ngư nghiệp	Quảng Trị
517	50302890	NGUYEN VAN HIEN	22.01.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A273	Ngư nghiệp	Quảng Trị
518	50302892	TRAN TRUNG VIET	21.06.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A274	Ngư nghiệp	Quảng Trị
519	50302893	NGUYEN NHAT HUY	24.02.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A275	Ngư nghiệp	Quảng Trị
520	50302894	LE VAN NHAT	18.09.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A276	Ngư nghiệp	Quảng Trị
521	50302895	NGO NGOC DOAI	10.11.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A277	Ngư nghiệp	Quảng Trị
522	50302897	PHAM CONG SY	08.03.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A278	Ngư nghiệp	Quảng Trị
523	50302898	NGUYEN VAN CHIEN	10.01.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	14	A279	Ngư nghiệp	Quảng Trị
524	50302899	HOANG THI LAN	11.04.2007	Nữ	18.06.2026	Ca 1	14	A280	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
525	50302901	HOANG THI TRA MY	27.10.2007	Nữ	18.06.2026	Ca 1	15	A281	Ngư nghiệp	Quảng Trị
526	50302902	HOANG NGOC SON	15.03.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A282	Ngư nghiệp	Quảng Trị
527	50302903	MAI VAN LINH	23.07.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A283	Ngư nghiệp	Quảng Trị
528	50302904	NGUYEN VAN HIEU	06.11.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A284	Ngư nghiệp	Quảng Trị
529	50302905	MAI XUAN NAM	18.02.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A285	Ngư nghiệp	Quảng Trị
530	50302906	NGUYEN XUAN GIANG	07.09.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A286	Ngư nghiệp	Quảng Trị
531	50302907	HOANG NGOC TIEN	03.11.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A287	Ngư nghiệp	Quảng Trị
532	50302908	NGUYEN TAT THANH	25.08.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A288	Ngư nghiệp	Quảng Trị
533	50302909	TRAN LONG NHAT	20.01.2008	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A289	Ngư nghiệp	Quảng Trị
534	50302912	TRAN QUOC TRUONG	29.04.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A290	Ngư nghiệp	Quảng Trị
535	50302913	HOANG ANH TUAN	06.03.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A291	Ngư nghiệp	Quảng Trị
536	50302915	HOANG VAN NHAN	02.06.1989	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A292	Ngư nghiệp	Quảng Trị
537	50302916	DINH NGOC THANG	15.12.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A293	Ngư nghiệp	Quảng Trị
538	50302917	NGUYEN VIET TAY	26.04.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A294	Ngư nghiệp	Quảng Trị
539	50302918	DAO HAI NAM	30.01.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A295	Ngư nghiệp	Quảng Trị
540	50302919	TRAN VAN TUAN	12.02.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A296	Ngư nghiệp	Quảng Trị
541	50302921	HOANG VAN THINH	16.08.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A297	Ngư nghiệp	Quảng Trị
542	50302922	TRUONG DAI QUY	14.05.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A298	Ngư nghiệp	Quảng Trị
543	50302923	NGUYEN HOANG VIET	30.08.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A299	Ngư nghiệp	Quảng Trị
544	50302924	MAI VAN VANG	24.01.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	15	A300	Ngư nghiệp	Quảng Trị
545	50302925	HOANG VAN HUNG	23.04.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A301	Ngư nghiệp	Quảng Trị
546	50302926	NGUYEN VAN HUNG	05.02.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A302	Ngư nghiệp	Quảng Trị
547	50302927	PHAN THANH HAI	11.06.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A303	Ngư nghiệp	Quảng Trị
548	50302931	NGUYEN VAN KHANH	05.02.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A304	Ngư nghiệp	Quảng Trị
549	50302932	NGUYEN DUC DUNG	14.11.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A305	Ngư nghiệp	Quảng Trị
550	50302933	NGUYEN KHANH TAM	21.03.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A306	Ngư nghiệp	Quảng Trị
551	50302934	NGUYEN VAN PHU	18.04.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A307	Ngư nghiệp	Quảng Trị
552	50302935	HOANG THANH HUNG	10.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A308	Ngư nghiệp	Quảng Trị
553	50302936	PHAN NGOC HAI	09.03.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A309	Ngư nghiệp	Quảng Trị
554	50302937	PHAM ANH THAI	25.11.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A310	Ngư nghiệp	Quảng Trị
555	50302938	HOANG VU TRUONG	28.02.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A311	Ngư nghiệp	Quảng Trị
556	50302939	PHAM DUY THAI	18.02.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A312	Ngư nghiệp	Quảng Trị
557	50302940	LE VAN LOI	26.05.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A313	Ngư nghiệp	Quảng Trị
558	50302941	TRAN MINH CHIEN	18.01.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A314	Ngư nghiệp	Quảng Trị
559	50302942	NGO VAN THOANG	04.11.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A315	Ngư nghiệp	Quảng Trị
560	50302946	LE DUONG GIA BAO	17.08.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A316	Ngư nghiệp	Quảng Trị
561	50302948	VO THANH DONG	09.11.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A317	Ngư nghiệp	Quảng Trị
562	50302949	NGUYEN HUNG SON	20.09.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A318	Ngư nghiệp	Quảng Trị
563	50302951	NGUYEN HONG SON	05.02.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A319	Ngư nghiệp	Quảng Trị
564	50302956	NGUYEN VAN QUAN	19.05.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A320	Ngư nghiệp	Quảng Trị
565	50302957	PHAM DUY VIEN	13.09.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	16	A321	Ngư nghiệp	Quảng Trị
566	50302961	HOANG TIEN DAT	19.07.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B078	Ngư nghiệp	Quảng Trị
567	50302966	NGUYEN VAN DAU	03.01.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B079	Ngư nghiệp	Quảng Trị
568	50302967	HOANG QUOC KHANH	02.09.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B080	Ngư nghiệp	Quảng Trị
569	50302968	TRUONG THI THUY	04.01.2001	Nữ	17.06.2026	Ca 2	5	B086	Ngư nghiệp	Quảng Trị
570	50302969	MAI VAN DAN	25.07.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B087	Ngư nghiệp	Quảng Trị
571	50302970	PHAN THANH SON	20.07.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B088	Ngư nghiệp	Quảng Trị
572	50302971	TRAN VAN LINH	02.06.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B089	Ngư nghiệp	Quảng Trị
573	50302972	VO PHI CUONG	22.09.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B090	Ngư nghiệp	Quảng Trị
574	50302973	PHAM LINH GIANG	12.10.2006	Nữ	17.06.2026	Ca 2	5	B091	Ngư nghiệp	Quảng Trị
575	50302976	TRAN THI QUYEN	19.05.1999	Nữ	17.06.2026	Ca 2	5	B092	Ngư nghiệp	Quảng Trị
576	50302977	NGUYEN BA NGOC	09.09.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B093	Ngư nghiệp	Quảng Trị
577	50302980	NGUYEN THI HA TRANG	22.11.2003	Nữ	17.06.2026	Ca 2	5	B094	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
578	50302983	NGUYEN VAN DIEP	20.10.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B095	Ngư nghiệp	Quảng Trị
579	50302984	NGUYEN VAN TIEN	12.04.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B096	Ngư nghiệp	Quảng Trị
580	50302986	HOANG TUONG	10.06.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B097	Ngư nghiệp	Quảng Trị
581	50302987	PHAN VAN NHAN	02.08.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B098	Ngư nghiệp	Quảng Trị
582	50302991	NGUYEN VAN LONG	11.01.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B099	Ngư nghiệp	Quảng Trị
583	50302992	NGUYEN THANH MINH	29.04.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	5	B100	Ngư nghiệp	Quảng Trị
584	50303375	TRAN NGOC TRUONG SA	12.10.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B135	Ngư nghiệp	Quảng Trị
585	50303376	NGUYEN THANH THINH	03.09.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B136	Ngư nghiệp	Quảng Trị
586	50303377	PHAN THANH BINH	25.06.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B137	Ngư nghiệp	Quảng Trị
587	50303378	HOANG NGOC TUAN	11.01.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B138	Ngư nghiệp	Quảng Trị
588	50303380	NGUYEN DUC HIEN	05.03.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B139	Ngư nghiệp	Quảng Trị
589	50303382	LE VAN TY	20.03.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	7	B140	Ngư nghiệp	Quảng Trị
590	50303383	NGUYEN CONG THA	07.07.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B141	Ngư nghiệp	Quảng Trị
591	50303385	NGUYEN VAN THANG	25.06.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B142	Ngư nghiệp	Quảng Trị
592	50303386	HO XUAN BINH	05.01.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B143	Ngư nghiệp	Quảng Trị
593	50303387	VO NGOC CUONG	04.06.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B144	Ngư nghiệp	Quảng Trị
594	50303389	PHAN VAN HOANH	28.12.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B145	Ngư nghiệp	Quảng Trị
595	50303390	LE VAN HOA	18.08.1986	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B146	Ngư nghiệp	Quảng Trị
596	50303391	VO VAN DOAN	20.01.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B147	Ngư nghiệp	Quảng Trị
597	50303392	BUI DINH KHAI	24.04.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B148	Ngư nghiệp	Quảng Trị
598	50303393	NGUYEN THANH NHAT	10.04.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B149	Ngư nghiệp	Quảng Trị
599	50303394	LUONG VAN LINH	29.05.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B150	Ngư nghiệp	Quảng Trị
600	50303398	NGO VAN A	09.05.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B151	Ngư nghiệp	Quảng Trị
601	50303399	MAI VAN TIEN	09.02.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B152	Ngư nghiệp	Quảng Trị
602	50303401	VO VAN VUONG	09.01.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B153	Ngư nghiệp	Quảng Trị
603	50303404	NGUYEN VAN KHOI	02.01.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B154	Ngư nghiệp	Quảng Trị
604	50303405	TRAN DINH MUOI	16.03.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B155	Ngư nghiệp	Quảng Trị
605	50303407	NGUYEN VAN NGUYEN	10.03.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B156	Ngư nghiệp	Quảng Trị
606	50303408	LE HUU QUANG	06.04.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B157	Ngư nghiệp	Quảng Trị
607	50303410	NGUYEN CONG PHI	24.01.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B158	Ngư nghiệp	Quảng Trị
608	50303412	LE MANH LONG	07.07.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B159	Ngư nghiệp	Quảng Trị
609	50303414	HOANG VAN QUANG	16.06.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	8	B160	Ngư nghiệp	Quảng Trị
610	50303415	NGUYEN DUC SON	15.06.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B168	Ngư nghiệp	Quảng Trị
611	50303416	LE VAN TINH	02.09.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B169	Ngư nghiệp	Quảng Trị
612	50303417	LE THAI DUONG	16.10.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B170	Ngư nghiệp	Quảng Trị
613	50303418	LE VAN TIEP	03.08.1988	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B171	Ngư nghiệp	Quảng Trị
614	50303420	TRAN VAN KHANG	20.10.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B172	Ngư nghiệp	Quảng Trị
615	50303423	NGUYEN CONG VU	21.05.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B173	Ngư nghiệp	Quảng Trị
616	50303424	LE VAN PHU QUY	10.04.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B174	Ngư nghiệp	Quảng Trị
617	50303425	TRAN DUY KHANH	22.10.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B175	Ngư nghiệp	Quảng Trị
618	50303426	TRAN VIET TIEM	16.01.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B176	Ngư nghiệp	Quảng Trị
619	50303427	TRAN TIEN NHAN	07.05.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B177	Ngư nghiệp	Quảng Trị
620	50303429	DOAN THI LUYEN	20.10.1995	Nữ	17.06.2026	Ca 2	9	B178	Ngư nghiệp	Quảng Trị
621	50303430	TRAN VAN SANG	26.08.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B179	Ngư nghiệp	Quảng Trị
622	50303431	VO HONG PHAN	21.06.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	9	B180	Ngư nghiệp	Quảng Trị
623	50303435	LE TAN HAI	12.01.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B213	Ngư nghiệp	Quảng Trị
624	50303437	PHAM DINH THINH	12.10.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B214	Ngư nghiệp	Quảng Trị
625	50303438	NGUYEN THANH THUC	19.08.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B215	Ngư nghiệp	Quảng Trị
626	50303439	NGUYEN PHUOC QUANG	07.04.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B216	Ngư nghiệp	Quảng Trị
627	50303440	TRAN NGOC ANH	27.06.1995	Nữ	17.06.2026	Ca 2	11	B217	Ngư nghiệp	Quảng Trị
628	50303441	TRUONG QUANG HOA	30.04.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B218	Ngư nghiệp	Quảng Trị
629	50303442	HO VAN TUONG	10.04.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	11	B219	Ngư nghiệp	Quảng Trị
630	50303443	HO THI THUONG	10.01.1995	Nữ	17.06.2026	Ca 2	11	B220	Ngư nghiệp	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
631	50303444	TRAN VAN DUC	03.05.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B221	Ngư nghiệp	Quảng Trị
632	50303445	TRAN MINH HUY	04.11.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B222	Ngư nghiệp	Quảng Trị
633	50303447	BUI TUAN KIET	08.08.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B223	Ngư nghiệp	Quảng Trị
634	50303448	LE VAN TRINH	27.03.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B224	Ngư nghiệp	Quảng Trị
635	50303450	NGUYEN KHANH NHAT	13.08.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B225	Ngư nghiệp	Quảng Trị
636	50303451	PHAN TRAN THANH HOANG	28.12.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B226	Ngư nghiệp	Quảng Trị
637	50303452	BUI DINH DAT	07.12.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B227	Ngư nghiệp	Quảng Trị
638	50303453	TRUONG DINH NGUYEN	05.01.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B228	Ngư nghiệp	Quảng Trị
639	50303454	NGUYEN VAN THUAN	07.07.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B229	Ngư nghiệp	Quảng Trị
640	50303456	TRUONG MINH TUONG	29.02.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B230	Ngư nghiệp	Quảng Trị
641	50303458	PHAN CHINH HUU	12.02.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B231	Ngư nghiệp	Quảng Trị
642	50303459	LE THANH HIEP	12.11.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B232	Ngư nghiệp	Quảng Trị
643	50303461	HA VAN SUNG	06.08.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B233	Ngư nghiệp	Quảng Trị
644	50303465	LE PHUOC THINH	12.12.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B234	Ngư nghiệp	Quảng Trị
645	50303466	NGUYEN CONG TUAN ANH	15.04.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B235	Ngư nghiệp	Quảng Trị
646	50303467	PHAN THI YEN	25.11.2000	Nữ	17.06.2026	Ca 2	12	B236	Ngư nghiệp	Quảng Trị
647	50303468	TRAN MINH HOANG	16.08.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B237	Ngư nghiệp	Quảng Trị
648	50303469	HO QUOC TRUNG	18.05.1990	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B238	Ngư nghiệp	Quảng Trị
649	50303472	TRAN QUANG TUAN	02.08.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B239	Ngư nghiệp	Quảng Trị
650	50303473	HOANG DUC ANH	02.09.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	12	B240	Ngư nghiệp	Quảng Trị
651	50303474	LE VAN SANG	03.06.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B250	Ngư nghiệp	Quảng Trị
652	50303478	VO DUC KHANH	05.11.1988	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B251	Ngư nghiệp	Quảng Trị
653	50303479	LUONG VAN VIET	15.05.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B252	Ngư nghiệp	Quảng Trị
654	50303480	TRAN VAN PHUONG	04.04.1992	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B253	Ngư nghiệp	Quảng Trị
655	50303481	TRAN VAN SUM	26.04.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B254	Ngư nghiệp	Quảng Trị
656	50303482	NGUYEN QUANG THANH	21.09.1989	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B255	Ngư nghiệp	Quảng Trị
657	50602424	NGUYEN VAN HAI	12.06.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A402	Lâm nghiệp	Quảng Trị
658	50602425	TRAN NGOC DUNG	06.07.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A403	Lâm nghiệp	Quảng Trị
659	50600851	GIANG CONG MANH	09.09.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A363	Lâm nghiệp	Son La
660	50600852	GIANG VA MANH	03.04.2007	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A364	Lâm nghiệp	Son La
661	50600901	HOANG VAN THANH	14.05.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	18	A365	Lâm nghiệp	Thái Nguyên
662	50600902	BE DINH THAN	18.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A366	Lâm nghiệp	Thái Nguyên
663	50300571	DANG VAN DUY	19.09.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A055	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
664	50300572	BUI VAN MINH	23.07.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A061	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
665	50300573	BUI VAN DUNG	04.10.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A062	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
666	50300574	DAO VAN CHAU	15.03.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A063	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
667	50300576	NGUYEN HUU CUONG	18.11.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A064	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
668	50300577	NGUYEN VAN QUY	17.01.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A065	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
669	50300578	NGUYEN VAN TRUONG	22.10.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A066	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
670	50300581	LE THE QUY	23.05.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A067	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
671	50300583	NGO DONG BAN	01.10.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A068	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
672	50300584	LE CONG TU	20.01.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A069	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
673	50300586	LUONG CONG TAM	08.03.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A070	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
674	50300587	NGUYEN XUAN GIANG	24.09.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A071	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
675	50300588	DO NGUYEN DUC HOANG	23.02.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A072	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
676	50300589	NGUYEN THE VUONG	13.06.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A073	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
677	50300590	NGUYEN HUU KHU	27.09.1996	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A074	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
678	50300591	VU BA TUAN ANH	04.10.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A075	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
679	50300592	VU DINH DINH	25.08.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A076	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
680	50300593	TRAN VAN HOI	11.01.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A077	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
681	50300594	VU DINH DUY	13.05.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A078	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
682	50300595	NGUYEN TUAN PHONG	27.02.2003	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A079	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
683	50300602	NGUYEN HUY LINH	09.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	4	A080	Ngư nghiệp	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
684	50300604	LE DINH TRUNG	26.08.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A081	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
685	50300605	NGUYEN VAN HIEU	18.09.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A082	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
686	50300606	VU DINH LONG	16.06.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A083	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
687	50300607	NGUYEN DINH VU	07.02.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	5	A084	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
688	50300608	BUI CHI CONG	22.08.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B001	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
689	50300609	LE THI NGAN	28.07.1997	Nữ	17.06.2026	Ca 2	1	B002	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
690	50300610	LE QUOC DAT	24.12.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B003	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
691	50300612	NGO VAN DIEP	12.02.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B004	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
692	50300613	HOANG VAN VU	25.12.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B005	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
693	50300614	PHAM VIET NGUYEN	18.04.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B006	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
694	50300615	NGUYEN MINH CHIEN	08.04.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B007	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
695	50300616	LUONG HUU LOC	18.12.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B008	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
696	50300617	CAO VAN TUAN	24.09.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B009	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
697	50300618	TRAN VAN THIEM	20.06.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B010	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
698	50300619	TRAN MANH TIEN	28.11.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B011	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
699	50300620	HOANG VAN NHAT	23.02.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B012	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
700	50300623	LE VAN NGUYEN	17.02.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B013	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
701	50300624	TRAN MINH ANH	31.01.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B014	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
702	50300625	LE VAN MANH	19.02.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B015	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
703	50300626	NGUYEN DUY KIET	18.01.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B016	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
704	50300627	NGUYEN DUY CUONG	18.11.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B017	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
705	50300628	NGUYEN VAN DUC	21.06.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B018	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
706	50300629	NGUYEN HUU LINH	23.10.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B019	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
707	50300631	HOANG VAN LONG	17.10.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	1	B020	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
708	50300633	PHAM TRUNG DUY	31.07.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B021	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
709	50300634	NGUYEN TIEN DAT	15.02.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B022	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
710	50300635	LE THI YEN NHI	18.06.2006	Nữ	17.06.2026	Ca 2	2	B023	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
711	50300636	PHAM VAN NAM	30.12.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B024	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
712	50300637	NGUYEN VAN TUAN	20.06.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B025	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
713	50300638	NGUYEN HUU HOANG	09.08.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B026	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
714	50300639	NGUYEN VAN TUAN	17.06.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B027	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
715	50300640	PHAM THI TRAM ANH	26.09.2004	Nữ	17.06.2026	Ca 2	2	B028	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
716	50300641	LE XUAN LINH	06.10.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B029	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
717	50300642	PHAM VAN DAI	17.07.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B030	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
718	50300643	NGUYEN VAN VU	16.09.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B031	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
719	50300644	NGUYEN THI BINH	06.08.1991	Nữ	17.06.2026	Ca 2	2	B032	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
720	50300645	NGUYEN VAN TU	23.09.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B033	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
721	50300646	TRUONG QUOC DAT	10.12.2001	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B034	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
722	50300648	CAO VAN TRUNG KIEN	29.05.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B035	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
723	50300649	PHAM NGUYEN NGOC TAN	27.09.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B036	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
724	50300650	NGUYEN TUAN LINH	30.08.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B037	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
725	50300652	HOANG THANG TRONG	23.06.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B038	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
726	50300653	HOANG MINH THANH	28.01.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B039	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
727	50300655	TRAN VAN HUY	02.02.2004	Nam	17.06.2026	Ca 2	2	B040	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
728	50300656	HOANG THI VAN	17.07.2001	Nữ	17.06.2026	Ca 2	3	B041	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
729	50300658	LE NGOC ANH	10.09.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B042	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
730	50300659	TRAN DUC MANH	28.01.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B043	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
731	50300660	NGUYEN VAN THAI	20.09.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B044	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
732	50300662	TRUONG VAN CHOT	20.08.1995	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B045	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
733	50300663	DANG DUY KHANH	12.06.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B046	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
734	50300664	NGUYEN THI CAM TU	23.05.2005	Nữ	17.06.2026	Ca 2	3	B047	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
735	50300665	NGUYEN THI LE GIANG	04.02.1993	Nữ	17.06.2026	Ca 2	3	B048	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
736	50300667	NGUYEN DAI DUONG	10.02.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B049	Ngư nghiệp	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
737	50300668	NGUYEN HUU MINH	20.08.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B050	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
738	50300669	PHAM THI THUY	20.10.1995	Nữ	17.06.2026	Ca 2	3	B051	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
739	50300670	CAO VAN TUAN	29.09.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B052	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
740	50300673	TRAN QUOC VU	15.11.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B053	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
741	50300674	NGUYEN HUU HIEU	06.11.1993	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B054	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
742	50300677	TRUONG THI CHINH	15.01.2000	Nữ	17.06.2026	Ca 2	3	B055	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
743	50300678	VU DINH ANH	02.09.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B056	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
744	50300680	HOANG THANG LONG	24.09.2007	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B057	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
745	50300681	NGUYEN DUC	19.10.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B058	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
746	50300683	NGUYEN THE SON	01.01.2008	Nam	17.06.2026	Ca 2	3	B059	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
747	50300684	DO THI YEN	16.09.2003	Nữ	17.06.2026	Ca 2	3	B060	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
748	50300686	PHAM VAN THANH	08.01.1999	Nam	17.06.2026	Ca 2	4	B061	Ngư nghiệp	Thanh Hóa
749	50601225	HA VAN LAM	13.07.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A368	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
750	50601227	NGAN VAN LAM	27.07.1990	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A369	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
751	50601228	LO VAN TIN	06.01.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A370	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
752	50601229	LUONG VAN CHIEN	02.05.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A371	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
753	50601230	CAM BA XUAN	05.02.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A372	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
754	50601231	TRIEU DUY QUYEN	06.07.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A373	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
755	50601232	PHAM VAN KHANH	15.07.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A374	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
756	50601233	NGUYEN VAN NGUYEN	19.02.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A375	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
757	50601235	HA VAN NAM	14.02.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A376	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
758	50601238	NGUYEN THI HOAI	23.08.1998	Nữ	18.06.2026	Ca 1	19	A377	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
759	50601239	VI VAN THIEP	20.11.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A378	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
760	50601241	LE PHUC HAN	16.06.1993	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A379	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
761	50601242	BUI VAN LANH	05.05.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A380	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
762	50601244	QUACH VAN QUANG	08.09.1992	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A381	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
763	50601245	TRUONG VAN TIEN	25.10.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A382	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
764	50601246	LE TRONG ANH	04.05.1997	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A383	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
765	50601247	CAO TRONG BAO	26.05.1998	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A384	Lâm nghiệp	Thanh Hóa
766	50500811	HO THI THUY LINH	05.09.1993	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A344	Dịch vụ	TP Cần Thơ
767	50303701	NGUYEN HUU CONG	24.03.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B296	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
768	50303702	LE THANH LUAN	30.09.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B297	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
769	50303703	NGO TRUONG VINH KHOA	18.08.1994	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B298	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
770	50303704	HO PHUOC NHU	01.06.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B299	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
771	50303705	BUI NGO VAN MAI	04.07.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B300	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
772	50303761	PHAN THANH TIN	22.03.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B301	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
773	50303763	DOAN VAN HAI	10.06.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B302	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
774	50303764	NGUYEN THI KIM DUONG	27.06.1993	Nữ	17.06.2026	Ca 2	16	B303	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
775	50303768	TRAN CONG PHUOC	10.07.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B304	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
776	50303801	TRUONG CONG NAM	07.10.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B305	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
777	50303803	NGUYEN THI HAU	05.03.1994	Nữ	17.06.2026	Ca 2	16	B306	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
778	50303804	TRAN NGOC HAI	19.01.1997	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B307	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
779	50303805	LE VAN NGHIA	22.05.2000	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B308	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
780	50303806	NGUYEN QUANG MINH	18.08.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B309	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
781	50303807	NGUYEN XUAN TRUONG	02.10.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B310	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
782	50303809	TRAN CONG TUAN	16.04.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B311	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
783	50303810	TRAN CONG LINH	19.01.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	16	B312	Ngư nghiệp	TP Đà Nẵng
784	50500301	NGUYEN VAN THUAN	24.07.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	17	A323	Dịch vụ	TP Hà nội
785	50300471	HUYNH MANH CHIEN	22.05.2004	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A053	Ngư nghiệp	TP Hải Phòng
786	50300473	NGUYEN KHAC HOANG	20.09.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	3	A054	Ngư nghiệp	TP Hải Phòng
787	50304451	NGUYEN PHU DAN	25.10.1994	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A016	Ngư nghiệp	TP Hồ Chí Minh
788	50304452	LE HUU DAT	07.09.1999	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A017	Ngư nghiệp	TP Hồ Chí Minh
789	50304453	LE MINH QUY	20.03.2001	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A018	Ngư nghiệp	TP Hồ Chí Minh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số ghế ngồi	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố
790	50303671	TRUONG CONG HIEP	25.03.1991	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B256	Ngư nghiệp	TP Huế
791	50303672	NGUYEN THI KIM LOAN	23.01.2002	Nữ	17.06.2026	Ca 2	13	B257	Ngư nghiệp	TP Huế
792	50303673	DAO VAN KY	13.04.1996	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B258	Ngư nghiệp	TP Huế
793	50303674	PHAN HIEU	02.08.1998	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B259	Ngư nghiệp	TP Huế
794	50303675	BUI VAN VU	23.07.2006	Nam	17.06.2026	Ca 2	13	B260	Ngư nghiệp	TP Huế
795	50303676	LA QUAN THUY	10.02.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B291	Ngư nghiệp	TP Huế
796	50303679	NGUYEN TAN DAT	01.06.2003	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B292	Ngư nghiệp	TP Huế
797	50303681	PHAM NGOC PHU	11.09.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B293	Ngư nghiệp	TP Huế
798	50303682	PHAN VAN TRUNG	18.01.2002	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B294	Ngư nghiệp	TP Huế
799	50303683	MAI VAN RON	24.01.2005	Nam	17.06.2026	Ca 2	15	B295	Ngư nghiệp	TP Huế
800	50500331	THAO THI THUONG	10.09.2002	Nữ	18.06.2026	Ca 1	17	A324	Dịch vụ	Tuyên Quang
801	50500341	NGUYEN DINH QUANG	02.11.2006	Nam	18.06.2026	Ca 1	17	A325	Dịch vụ	Tuyên Quang
802	50601121	LUONG VAN QUANG	19.10.1989	Nam	18.06.2026	Ca 1	19	A367	Lâm nghiệp	Tuyên Quang
803	50304481	TONG HOA THUAN	17.08.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A019	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
804	50304482	LE DO DUY THUAN	06.10.2005	Nam	18.06.2026	Ca 1	1	A020	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
805	50304491	NGUYEN VAN ROI	13.10.1991	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A138	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
806	50304492	TRAN THANH TRA	18.04.2002	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A139	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
807	50304493	NGUYEN HUU MINH	11.09.2000	Nam	18.06.2026	Ca 1	7	A140	Ngư nghiệp	Vĩnh Long
808	50603981	DUONG VAN NHA	10.02.1988	Nam	18.06.2026	Ca 1	20	A408	Lâm nghiệp	Vĩnh Long